THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2018/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2018

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 364
Ngày 25/1/18
Chuyển: UTz (ha)

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, phương thức hoàn trả; quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định Quy định phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, phương thức hoàn trả; quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, phương thức hoàn trả; quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 3 năm 2018;

2. Chấm dứt hiệu lực của Thông tư liên tịch số 186/2009/TTLT-BTC-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư liên tịch số 64/2012/TTLT-BTC-BTNMT ngày 25 tháng 4 năm 2012 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 186/2009/TTLT-BTC-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b).XH 104

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trịnh Đình Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, phương thức hoàn trả; quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2018/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 3 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về:

1. Phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do nhà nước đã đầu tư.

2. Phương thức hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản.

3. Quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp thực hiện việc xác định, thu, quản lý và sử dụng tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng số liệu, thông tin về kết quả đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản của nhà nước để thăm dò, khai thác khoáng sản.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thông tin đánh giá tiềm năng khoáng sản được thống kê để xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản phải hoàn trả là toàn bộ các số liệu, dữ liệu, bản đồ được thu thập và tổng hợp trong quá trình đánh giá tiềm năng khoáng sản (trừ dầu khí và nước thiên nhiên không phải là nước khoáng, nước

nóng thiên nhiên) thể hiện trong các báo cáo đánh giá tiềm năng khoáng sản có xác định tài nguyên khoáng sản đến cấp 333 hoặc trữ lượng cấp C_2 được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thông tin thăm dò khoáng sản được thống kê để xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả là toàn bộ các số liệu, dữ liệu, bản đồ được thu thập và tổng hợp trong quá trình thăm dò khoáng sản (trừ dầu khí và nước thiên nhiên không phải là nước khoáng, nước nóng thiên nhiên) thể hiện trong các báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản được thống kê để xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, bao gồm:

a) Các cấp trữ lượng A, B, C_1, C_2 trong các báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được xác định theo "Quy phạm tạm thời về phân cấp trữ lượng khoáng sản và phân chia giai đoạn thăm dò các khoáng sản rắn" ban hành tại Quyết định số 03/QĐ-HĐ ngày 02 tháng 3 năm 1973 của Chủ tịch Hội đồng Xét duyệt trữ lượng khoáng sản;

b) Các cấp trữ lượng 121, 122 và các cấp tài nguyên 221, 222 và 333 trong các báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (hoặc các báo cáo chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên) được xác định theo Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn.

4. Đơn vị xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả (sau đây gọi tắt là Đơn vị xác định chi phí hoàn trả) là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (đối với mỏ thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường), đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với mỏ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

Điều 4. Thống kê khối lượng trong xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả

1. Chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản phải hoàn trả (bao gồm cả các mỏ nước khoáng, khí CO_2) được xác định căn cứ vào khối lượng các hạng mục công trình địa chất đã thi công trong diện tích đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản bao gồm: Khoan, hào, lò, giếng, đo karota lỗ khoan và công tác mẫu xác định chất lượng khoáng sản trong các công trình nêu trên. Các khối lượng này phải được thể hiện trong các báo cáo đánh giá tiềm năng khoáng sản do nhà nước đầu tư được cơ quan quản lý nhà nước phê chuẩn (gồm các loại báo cáo đánh giá tiềm năng khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này).

2. Chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả được xác định căn cứ vào toàn bộ khối lượng các hạng mục công việc đã thi công trên diện tích đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản được thể hiện trong các báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư (gồm các loại báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy định này).

Điều 5. Phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản phải hoàn trả

Công thức xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản phải hoàn trả như sa

$$Tđg = \sum_{i=1}^{n}(K_i \times Zi) \quad \text{(đồng)}$$

Trong đó:

Tđg là chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản phải hoàn trả (đồng Việt Nam);

Ki là khối lượng hạng mục công trình địa chất thứ i;

i là các hạng mục khoan, hào, lò, giếng, đo karota lỗ khoan và mẫu xác định chất lượng khoáng sản được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 158/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ;

Zi là đơn giá của hạng mục công trình địa chất thứ i được tính theo đơn giá hiện hành tại thời điểm tính.

Điều 6. Phương pháp xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả

1. Đối với mỏ được cấp giấy phép khai thác sau khi Quyết định này có hiệu lực:

Công thức xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả như sau:

$$Ttd = P\,td \times \frac{Q_{cp}}{Q_{td}} \quad \text{(đồng)}$$

Trong đó:

a) Ttd là chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả (đồng Việt Nam);

b) Ptd là tổng chi phí nhà nước đã đầu tư thăm dò khoáng sản, được xác định như sau:

$$Ptd = \sum_{i=1}^{n}(K_i \times Z_i) + C \times H \quad \text{(đồng)}$$

Trong đó:

- C là chi phí khác cho công tác thăm dò khoáng sản tại thời điểm thăm dò được xác định trong báo cáo thăm dò khoáng sản;

- H là hệ số chi phí khác, được xác định như sau:

$$H = \frac{\sum K_i \times Z_i}{\sum K_i \times Z_{nt}}$$

+ Znt là đơn giá của hạng mục công trình địa chất thứ i tại thời điểm thăm dò khoáng sản;

+ Zi là đơn giá của hạng mục công trình địa chất thứ i được tính theo đơn giá hiện hành tại thời điểm tính.

c) Qtd là trữ lượng khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kèm theo báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, được xác định như sau:

- Đối với các báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã được phê duyệt theo phân cấp trữ lượng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 của quy định này:

$$Q_{td}=A_{td}+ B_{td}+C_{1td}+ C_{2td}$$

- Đối với các báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được phê duyệt theo phân cấp trữ lượng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 của quy định này:

$$Q_{td}= 121_{td}+122_{td}+ 221_{td}+222_{td}$$

d) Qcp là phần trữ lượng khoáng sản đề nghị cấp phép khai thác, được xác định như sau:

- Đối với các báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã được phê duyệt theo phân cấp trữ lượng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 của Quy định này:

$$Qcp = Acp + Bcp + C_1cp + \frac{C_2cp}{2}$$

- Đối với các báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được phê duyệt theo phân cấp trữ lượng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 của Quy định này:

$$Qcp = 121cp + 122cp + 221cp + 222cp$$

2. Đối với mỏ đã được cấp giấy phép khai thác trước khi Quyết định này có hiệu lực:

Công thức xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả như sau:

$$Ttd = P\,td \times \frac{Qcl}{Qtd} \quad \text{(đồng)}$$

Trong đó:

- Ttd, Ptd, Qtd là các thông số được quy định tại khoản 1 Điều này;

- Qcl: là phần trữ lượng khoáng sản còn lại đã được cấp phép khai thác nhưng chưa khai thác tại thời điểm Quyết định ban hành Quy định này có hiệu lực.

Điều 7. Phương thức hoàn trả

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản có trách nhiệm nộp chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả cho nhà nước theo phương thức thanh toán một lần vào tài khoản mở tại Kho bạc nhà nước của Đơn vị xác định chi phí hoàn trả trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 6 của quy định này.

Trường hợp sau khi Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp nếu có sự thay đổi về diện tích để cấp phép khai thác thì quyết định phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả sẽ được điều chỉnh theo diện tích thực tế được cấp phép.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã được cấp giấy phép khai thác trước ngày Quyết định này có hiệu lực nhưng chưa thực hiện quy định về hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư, có trách nhiệm nộp chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả cho nhà nước theo phương thức thanh toán một lần vào tài khoản mở tại Kho bạc nhà nước của Đơn vị xác định chi phí hoàn trả chậm nhất sau 60 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 6 của quy định này.

Điều 8. Quy định chế độ thu, quản lý, sử dụng chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư

1. Đơn vị xác định chi phí hoàn trả phải mở tài khoản thu tiền hoàn trả tại Kho bạc nhà nước.

2. Đơn vị xác định chi phí hoàn trả được trích để lại 5% (đối với mỏ thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường) và 15% (đối với mỏ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) số tiền hoàn trả thực thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Số tiền để lại dùng để chi cho công tác xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả được quy định cụ thể như sau:

a) Chi phí khảo sát, thu thập và xử lý số liệu, thông tin để xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, bao gồm cả tiền lương, tiền công theo chế độ hiện hành cho lao động trực tiếp

(không bao gồm chi phí tiền lương cho cán bộ công chức đã được hưởng tiền lương theo chế độ quy định hiện hành), tiền công tác phí, lưu trú, thuê xe, bồi dưỡng làm thêm giờ;

b) Chi hội nghị, hội thảo, họp kỹ thuật để xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả;

c) Chi phí mua sắm thiết bị, phương tiện, vật tư văn phòng phẩm;

d) Chi phí kiểm tra, thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả;

đ) Chi phí khai thác sử dụng tài liệu địa chất khoáng sản tại cơ quan lưu trữ, chi phí tổng hợp số liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước trong xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả;

e) Chi phí kiểm tra, đôn đốc thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tại các tổ chức, cá nhân; chi phí công tác kiểm tra về xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả tại các địa phương;

g) Chi phí thuê đơn vị tư vấn lập báo cáo xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả.

4. Chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả cho các giấy phép khai thác khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp thì nộp vào ngân sách trung ương; các giấy phép khai thác khoáng sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp thì nộp vào ngân sách địa phương.

5. Đơn vị xác định chi phí hoàn trả có trách nhiệm nộp vào ngân sách nhà nước chậm nhất sau 07 ngày (kể từ ngày thu được chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả) theo chương, loại, khoản, mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành đối với số tiền thu được sau khi trừ số tiền được trích để lại theo tỷ lệ quy định tại khoản 2 của Điều này.

6. Đơn vị xác định chi phí hoàn trả có trách nhiệm lập dự toán, tạm ứng, thanh toán, quyết toán đối với việc sử dụng phần kinh phí được trích lại từ chi phí đánh giá khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả theo đúng chế độ và quy định pháp luật hiện hành; trường hợp đang thực hiện dở dang thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo quy định hiện hành.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì rà soát, công bố các giấy phép khai thác thuộc diện phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản; tổ chức xác định, thẩm định, phê duyệt và thông báo kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với các giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường; điều chỉnh quyết định phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với trường hợp diện tích ghi trong Giấy phép khai thác được cấp có sự thay đổi so với diện tích ghi trong Đơn đề nghị cấp phép khai thác theo giá trị khối lượng các công trình địa chất thực tế do nhà nước đã đầu tư;

b) Hướng dẫn trình tự tổ chức xác định, thẩm định và phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả để áp dụng thống nhất trong phạm vi toàn quốc;

c) Kiểm tra, theo dõi và tổng hợp đối với công tác xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả tại các địa phương;

d) Theo dõi, đôn đốc các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thực hiện nghĩa vụ về hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư đối với các giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo đúng các quy định của pháp luật về khoáng sản.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Trước ngày 15 tháng 3 hàng năm, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả trên phạm vi toàn quốc của năm trước đó;

b) Giám sát việc xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, kiểm tra công tác thanh quyết toán việc sử dụng khoản trích để lại theo đúng quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chủ trì tổ chức xác định, thẩm định, phê duyệt và thông báo kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với các Giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; điều chỉnh quyết định phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với trường hợp diện tích ghi trong Giấy phép khai thác được cấp có sự thay đổi so với diện tích ghi trong Đơn đề nghị cấp phép khai thác theo giá trị khối lượng các công trình địa chất thực tế do nhà nước đã đầu tư;

b) Tổ chức thực hiện các quy định theo hướng dẫn trình tự tổ chức xác định, thẩm định và phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành;

c) Theo dõi, đôn đốc các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thực hiện nghĩa vụ về hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư đối với giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền, theo đúng các quy định của pháp luật về khoáng sản;

d) Trước ngày 15 tháng 02 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thành báo cáo về kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả của năm trước đó, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Kho bạc nhà nước có trách nhiệm:

Kho bạc nhà nước cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản thực hiện việc thu tiền phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

1. Thực hiện nghĩa vụ hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản cho nhà nước theo quy định tại Điều 7 của Quy định này.

2. Trường hợp nộp tiền phải hoàn trả sau thời hạn quy định, thì ngoài số tiền phải nộp theo Quyết định, còn phải nộp tiền phạt theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

3. Chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả cho nhà nước là khoản chi được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế của tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản và được phân bổ đều trong thời gian thực hiện Giấy phép khai thác khoáng sản.

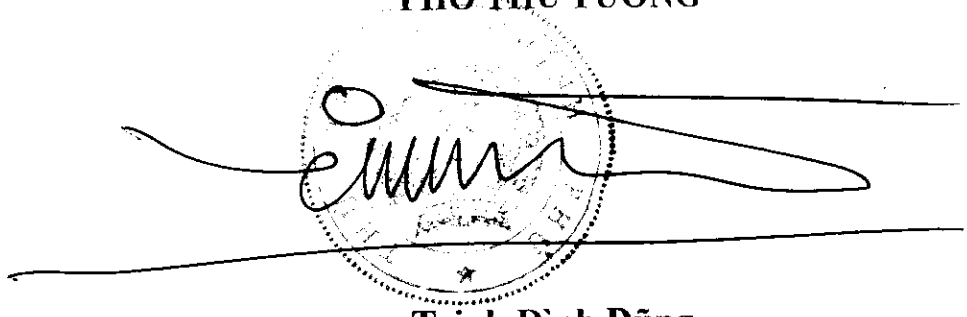
4. Trường hợp vi phạm quy định sử dụng thông tin về số liệu, thông tin về kết quả đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản của nhà nước sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật về khoáng sản.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp đã có Quyết định phê duyệt kết quả xác định tiền sử dụng số liệu thông tin về kết quả đánh giá, thăm dò khoáng sản của Nhà nước theo quy định tại Thông tư liên tịch số 186/2009/TTLT-BTC-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư liên tịch số 64/2012/TTLT-BTC-BTNMT ngày 25 tháng 4 năm 2012 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 186/2009/TTLT-BTC-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ tiếp tục được thực hiện theo Quyết định phê duyệt đã ban hành.

2. Trường hợp mỏ đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản trước khi Quyết định ban hành Quy định này có hiệu lực mà chưa có Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả thì sẽ thực hiện theo Quy định này./

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Trịnh Đình Dũng